TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 445/2024/DS-ST
Ngày: 11-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

2. Ông Võ Hoàng Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Trọng Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 288/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân B

Địa chỉ: 3/14D ấp T, xã B, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm: 1972 – Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Bà N ủy quyền cho: Bà Trần Thị Hiếu H, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 172A/7 tổ 7, ấp K, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 116/UQ-QTD ngày 16/4/2024 – Bà H có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm: 1971

2.2. Ông Trương Văn T, sinh năm: 1969

Cùng địa chỉ: 8/9 ấp 2, xã Q, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Hiêu H trình bày:

Quỹ tín dụng nhân dân B có cho bà Lê Thị Kim L và ông Trương Văn T vay số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4884D/HĐTD-QTDBC vào ngày 02/11/2021, thời hạn vay: 24 tháng, lãi suất: 12%/năm.

Theo thỏa thuận bà Lê Thị Kim L và ông Trương Văn T phải trả vốn và lãi phát sinh vào ngày 04 dương lịch hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L, ông T đã trả cho Quỹ tín dụng nhân dân B được số tiền vốn và lãi là 23.250.000 (hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo sổ phụ tài khoản tiền vay do Quỹ tín dụng nhân dân B lập.

Từ ngày 04/4/2023 cho đến nay, bà Lê Thị Kim L và ông Trương Văn T đã vi phạm hợp đồng, không trả vốn và lãi theo đúng hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận.

Do đó, Quỹ tín dụng nhân dân B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh buộc bà Lê Thị Kim L và ông Trương Văn T thanh toán cho Quỹ tín dụng dân dân Bình Chánh số tiền tạm tính đến ngày 11/7/2024 là 15.167.433 (mười lăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 11.850.000 (mười một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng, tiền lãi tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 11/7/2024 là 3.317.433 (ba triệu ba trăm mười bảy nghìn bốn trăm ba mươi ba) đồng. Bà L, ông T vẫn phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng cho đến khi bản án được thi hành xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị Kim L, ông Trương Văn T vắng mặt không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quỹ tín dụng nhân dân B khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Lê Thị Kim L, ông Trương Văn T. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh xác định *"Bà Lê Thị Kim L và ông Trương Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 8/9 ấp 2, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm này bà L, ông T chưa thấy chuyển đến nơi khác sinh sống"*. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Lê Thị Kim L, ông Trương Văn T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự được xác lập vào thời điểm Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các văn bản pháp luật này để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Tòa án triệu tập bà Lê Thị Kim L, ông Trương Văn T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng với nguyên đơn nhưng bà L, ông T không đến Tòa để giải quyết vụ án. Vì vậy, bà L, ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng do Tòa án thu thập để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[4.2]. Theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 0302280025 đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 04 tháng 5 năm 2023 thì Quỹ tín dụng nhân dân B được phép kinh doanh tiền tệ, dịch vụ chuyển tiền điện tử.

Xét, Hợp đồng tín dụng loại cho vay trung hạn số 4884D/HĐTD-QTDBC lập ngày 02/11/2021 giữa Quỹ tín dụng nhân dân B và bà Lê Thị Kim L, ông Trương Văn T được lập phù hợp theo quy định tại Điều 117, Điều 119 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Căn cứ vào Giấy nhận nợ ngày 04/11/2021, Phiếu chi ngày 04/11/2021 của Quỹ tín dụng nhân dân B có cơ sở xác định bà L, ông T đã nhận số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng từ Quỹ tín dụng nhân dân B.

Căn cứ Sổ phụ tài khoản tiền vay; Phiếu thu từ tháng 12/2021 đến tháng 04/2023 và lời trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định tính đến ngày 11/7/2024 bị đơn còn nợ nguyên đơn số nợ gốc là 11.850.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất: Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 12%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, tạm tính đến ngày 11/7/2024 thì bị đơn còn nợ tiền lãi phát sinh là 3.317.433 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 0302280025 thì Quỹ tín dụng nhân dân B là tổ chức tín dụng, có chức năng kinh doanh tiền tệ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh.

Việc bị đơn ngưng trả tiền vốn và lãi hàng tháng cho nguyên đơn là đã vi phạm điều khoản thanh toán của của hợp đồng tín dụng. Quỹ tín dụng nhân dân B khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi là có cơ sở theo quy định tại các Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4.3]. Từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân B đối với bị đơn bà Lê Thị Kim L, ông Trương Văn T. Buộc bà Lê Thị Kim L và ông Trương Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền 15.167.433 (mười lăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 11.850.000 (mười một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 11/7/2024 là 3.317.433 (ba triệu ba trăm mười bảy nghìn bốn trăm ba mươi ba) đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 12/7/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4884D/HĐTD-QTDBC ngày 02/11/2021.

[5]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Lê Thị Kim L, ông Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 758.372 (bảy trăm năm mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi hai) đồng; nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Lê Thị Kim L, ông Trương Văn T.

Buộc bà Lê Thị Kim L và ông Trương Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền tính đến ngày 11/7/2024 là 15.167.433 (mười lăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 11.850.000 (mười một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 11/7/2024 là 3.317.433 (ba triệu ba trăm mười bảy nghìn bốn trăm ba mươi ba) đồng.

Kể từ ngày 12/7/2024, bà Lê Thị Kim L và ông Trương Văn T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4884D/HĐTD-QTDBC ngày 02/11/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng nhân dân B thì lãi suất mà bà Lê Thị Kim L, ông Trương Văn T phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân B.

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Thị Kim L và ông Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 758.372 (bảy trăm năm mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi hai) đồng.

2.2. Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 355.525 (ba trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033330 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu hồ sơ (1)

Ngô Thị Thùy Dương

2 000013 521200